

Số: 09/2019/QĐST-DS

Thanh Trì, ngày 02 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 58, 59, 60 - Luật các Tổ chức tín dụng

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường T, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Phạm Đức D, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách trung tâm thẻ Ngân hàng S

2/ Ông Lê Nguyễn Khoa N, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thẻ Ngân hàng S

(Giấy ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018)

Người nhận ủy quyền lại của ông Lê Nguyễn Khoa N: Ông Nguyễn Thanh H; chức vụ: Nhân viên ngân hàng TMCP S (Giấy ủy quyền số 524/2019/UQ-TTT ngày 01/3/2019).

- Bị đơn: **Ông Vũ Ngọc Q - Sinh năm 1983**

Cư trú tại: tập thể 116, xã T, huyện T, Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Các bên xác nhận ông Vũ Ngọc Q còn nợ ngân hàng TMCP S số tiền phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân), hình thức là thẻ tín dụng Visa, số thẻ 472074-7338 ngày 08/01/2014 (tính đến ngày 22/4/2019) là: nợ gốc: 14.947.540đồng; nợ lãi quá hạn: 11.023.334 đồng; tổng cộng là: 25.970.374 đồng. Như vậy ông Vũ Ngọc Q có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng TMCP S tổng số tiền là: 25.970.374 đồng.

* Ông Vũ Ngọc Q có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP S vào thời gian cụ thể như sau:

+ Từ ngày 15/5/2019, ông Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.000.000 đồng (số tiền thanh toán được trừ vào nợ gốc)

+ Từ ngày 15/6/2019, ông Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 4.000.000 đồng(số tiền thanh toán được trừ vào nợ gốc)

+ Từ ngày 15/7/2019, ông Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 4.000.000 đồng (số tiền thanh toán được trừ vào nợ gốc)

+ Từ ngày 15/8/2019, ông Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 4.000.000 đồng (số tiền thanh toán được trừ vào nợ gốc trước).

+ Từ ngày 15/9/2019, ông Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 4.000.000 đồng.

+ Từ ngày 15/1/2019, ông Q thanh toán hết số nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 5.970.374 đồng.

* Kể từ ngày 23/04/2019, ông Vũ Ngọc Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* *Về án phí:* Do các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Vũ Ngọc Q tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm là 649.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền 1.050.000 đồng (*một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0008577 ngày 08/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án DS huyện T, Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu HS

Đỗ Thị Mai Thu